

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2023/HS-ST
Ngày: 24/02/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Pho.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Đạt.
2. Ông Phù Thọ Bồn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhi, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Đỗ Thúy D – Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 44/2022/TLST-HS, ngày 29 tháng 12 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2023/QĐXXST-HS, ngày 10 tháng 02 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Thị Mộng T** – sinh năm 1993; nơi sinh: Thành phố Châu Đốc – tỉnh An Giang. Hộ khẩu thường trú: Ấp Kiên Sơn, xã K, huyện K, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ, tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Q và bà Dương Thị D; anh chị em ruột: 04 người lớn nhất sinh năm 1990, nhỏ nhất sinh năm 2008; chồng: Nguyễn Hà Phước Sang (đã ly hôn); con 01 người sinh năm 2012; tiền sự: Không; tiền án: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Bị cáo có mặt.

- Bị hại: **Trần Kim T** – sinh năm 1982 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 23, khu phố Ngã Ba, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ **Châu Thị L** – sinh năm 1968 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 23, khu phố Ngã Ba, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

2/ **Nguyễn Thị Ngọc D** – sinh năm 1976 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 23, khu phố Ngã Ba, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

3/ **Nguyễn Thị Mộng C** – sinh năm 1990 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số 765A, đường Ngô Quyền, phường An Hòa, Tp. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

4/ **Nguyễn Thị Mộng C** – sinh năm 1995 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 4, ấp Linh Huỳnh, xã Linh Huỳnh, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

5/ **Đỗ Việt C** – sinh năm 1994 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 23, khu phố Ngã Ba, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

6/ **Nguyễn Văn Q** – sinh năm 1971 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 02, ấp Lung Lớn, xã K, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

7/ **Dương Thị D** – sinh năm 1970 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 02, ấp Lung Lớn, xã K, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

- *Người làm chứng:*

1/ **Nguyễn Thị Tây T** – sinh năm 2008 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 02, ấp Lung Lớn, xã K, huyện K, tỉnh Kiên Giang

2/ **Đỗ Việt M** – sinh năm 2000 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 23, khu phố Ngã Ba, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

3/ **Châu Văn C** – sinh năm 1973 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 23, khu phố Ngã Ba, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 08 giờ 10 phút ngày 16/4/2022, Nguyễn Văn Q cùng vợ là Dương Thị D đi đến nhà của ông Đỗ Việt Vương (tên gọi khác là Phương) ở tổ 23, khu phố Ngã Ba, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang để thuê ông Vương chở cây Tràm

nhưng không gặp mà gặp bà Châu Thị L (vợ ông Vương). Bà D hỏi bà L có ông Vương ở nhà không, bà L không trả lời mà lắc đầu nhưng bà D vẫn đi vào nhà bà L thì bị bà L cự nên xảy ra mâu thuẫn. Lúc này Đỗ Viết C (con trai bà L) nghe tiếng cự cãi nên trong nhà chạy ra dùng tay xô bà D té ngã thì được mọi người can ngăn, khi đó lực lượng Cảnh sát giao thông tuần tra đi ngang qua và hướng dẫn bà D đến Công an thị trấn K trình báo sự việc.

Sau đó bà D bỏ đi về nhà ở ấp Lung Lớn, xã K, huyện K, tỉnh Kiên Giang và gọi điện cho Trần Phong Điền ở thành phố Rạch Giá biết là chưa chở cây Tràm cho Điền được do bị con của ông Vương đánh. Lúc này Điền gọi điện thoại cho Nguyễn Thị Mộng T (con bà D) thông báo sự việc. T gọi điện thoại cho bà D hỏi thăm và thuê xe ô tô biển kiểm soát 68A-108.57 của Điền chạy về nhà bà D. Trên đường đi T điện thoại cho Nguyễn Thị Mộng C (em ruột của T). Khi đến nhà bà D, T điện thoại cho người bạn tên Bình (không rõ nhân thân) kể lại sự việc bà D bị đánh. Sau đó Bình cùng với 03 người thanh niên không rõ nhân thân đi xe mô tô từ Rạch Giá đến K gặp T. Đến khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày, Nguyễn Thị Mộng C cùng với Nguyễn Thị Mộng C (chị ruột của T) và người bạn tên Tuấn Anh (không rõ nhân thân) đi xe ô tô biển kiểm soát 65A-022.14 về nhà bà D.

Sau đó T điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 68A-108.57 chở ông Q (cha ruột của T) và Bình cùng với 03 người thanh niên (bạn của Bình), còn Tuấn Anh điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 65A-022.14 chở bà D, C, C và Nguyễn Thị Tây T (em ruột của T) đến nhà bà L. Khi đến nơi C và C xuống xe cự cãi với bà L dẫn đến đánh nhau, C chụp cái ca nhựa đang để trên tủ vé số của bà L đánh trúng vào chân mày của bà L gây thương tích làm tổn hại sức khỏe qua giám định là 03% (Ba phần trăm). Lúc này Trần Kim T (cháu bà L) và Nguyễn Thị Ngọc D (em dâu bà L) C xô nhựa màu trắng xanh chạy lại tham gia đánh nhau với C và C. Sau đó T nhìn thấy T nắm tóc C, T lại gằn kêu T “*Buông tóc em tao ra*” nhưng T không buông nên T chạy đi lượm cục gạch có dính xi măng (gạch xây tường) đánh vào đầu T gây thương tích làm tổn hại sức khỏe qua giám định là 01% (Một phần trăm).

Theo lời khai của bà Nguyễn Thị Ngọc D trong quá trình đánh nhau bà D bị người khác gây thương tích ở mắt trái làm tổn hại sức khỏe qua giám định là 12% (Mười hai phần trăm). Tuy nhiên bà D không biết ai đã gây thương tích cho bà.

Theo lời khai của Đỗ Viết C (con trai bà L) trong lúc tham gia đánh nhau C có C cây kiếm gây thương tích cho người thanh niên đi cùng với bị cáo T. Tuy nhiên chưa xác định được nhân thân của người bị thương.

- *Vật chứng vụ án thu giữ được:*

01 (một) cây kiếm dài 53cm, lưỡi kiếm bằng kim loại màu trắng, đầu kiếm nhọn, cán tay C của kiếm có gắn kim loại màu đen hình tròn, bao kiếm hình tròn màu đen, có đóng lá cờ Mỹ bên trong lá cờ có chữ USA SABER.

01 (một) xô nhựa màu trắng xanh, có tay C, đường kính 17,5cm, Cều cao 24cm.

01 (một) nắp ca nhựa màu trắng xanh, đường kính 10,5cm, Cều cao 2,7cm.

01 (một) cái áo thun màu trắng cổ tròn, phía trước có in hình có chữ LOUIS VUITTON PARIS, đã bị rách.

- *Vật chứng vụ án không thu giữ được:*

Cục gạch có kết cấu xi măng và cát (gạch xây tường) và cái ca nhựa.

*** Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 422/TgT** ngày 18/7/2022 của Trung tâm pháp y tỉnh Kiên Giang kết luận thương tích đối với Trần Kim T như sau:

1. Dấu hiệu chính qua giám định: Sẹo phần mềm vùng đỉnh trái và vai phải.
2. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại ở:
 - Vùng đỉnh trái là: 01% (Một phần trăm).
 - Vùng vai phải là: 01% (Một phần trăm).
3. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 02% (Hai phần trăm).
4. Vật gây thương tích: Vật tày có cạnh.
5. Về cơ chế hình thành thương tích:
 - Thương tích vùng đỉnh trái do vật tày có cạnh tác động vào vùng đỉnh trái theo hướng từ trên xuống dưới, từ trái sang phải so với trục giải phẫu cơ thể.
 - Thương tích vùng vai phải do vật tày có cạnh tác động vào vùng vai phải theo hướng từ trên xuống dưới, từ sau ra trước so với trục giải phẫu cơ thể.

*** Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 423/TgT** ngày 18/7/2022 của Trung tâm pháp y tỉnh Kiên Giang kết luận vật thương tích đối với Nguyễn Thị Ngọc D:

1. Dấu hiệu chính qua giám định: Sẹo phần mềm vùng cung mày phải.
Chấn thương mắt trái gây rách củng mạc phôi pha lê thể, cương tụ xuất huyết kết mạc đã được phẫu thuật cắt pha lê thể phôi, khâu kết mạc. Hiện tại còn để lại sẹo xấu, vẫn đục dịch kính và giảm thị lực mắt trái (thị lực 6/10).
2. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại ở: Vùng mắt trái là: 12% (Mười hai phần trăm).
3. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 12% (Mười hai phần trăm).

4. Vật gây thương tích: Vật tày có cạnh.

5. Về cơ chế hình thành thương tích: Thương tích do vật tày có cạnh tác động vào vùng mắt trái theo hướng từ trước ra sau so với trục giải phẫu cơ thể.

*** Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 424/TgT ngày 18/7/2022 của Trung tâm pháp y tỉnh Kiên Giang kết luận vật thương tích đối với Châu Thị L:**

1. Dấu hiệu chính qua giám định: Sẹo phần mềm vùng cung mày phải.

Chấn thương phần mềm vùng mắt phải và cánh tay trái, hiện không còn thấy dấu vết thương tích do đả thương.

2. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại ở:

- Vùng cung mày phải là: 03% (Ba phần trăm).

- Vùng mắt phải là: 00% (Không phần trăm).

- Vùng cánh tay trái là: 00% (Không phần trăm).

3. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 03% (Ba phần trăm).

4. Vật gây thương tích:

- Vùng cung mày phải do vật tày có cạnh gây nên.

- Vùng mắt phải và cánh tay trái, hiện không còn thấy dấu vết thương tích nên không có cơ sở xác định vật gây thương tích.

5. Về cơ chế hình thành thương tích:

- Thương tích vùng cung mày phải do vật tày có cạnh tác động vào vùng cung mày phải theo hướng từ trước ra sau so với trục giải phẫu cơ thể.

- Vùng mắt phải và cánh tay trái, hiện không còn thấy dấu vết thương tích nên không có cơ sở xác định cơ chế hình thành thương tích.

Quá trình điều tra người bị hại Trần Kim T yêu cầu bồi thường C phí điều trị thương tích và tiền công lao động số tiền là 9.110.000đ. Bị cáo Nguyễn Thị Mộng T đã tự nguyện khắc phục hậu quả cho bị hại T tổng số tiền 12.110.000đ (trong đó C phí điều trị và tiền công lao động theo yêu cầu của bị hại là 9.110.000đ, đồng thời tự nguyện bồi thường thêm tiền tổn thất tinh thần là 3.000.000đ). Số tiền trên đang được tạm nộp tại C cục T hành án dân sự huyện K theo biên lai thu tiền số 0000195 ngày 19/12/2022.

Bà Châu Thị L yêu cầu Nguyễn Thị Mộng C bồi thường C phí điều trị thương tích và ngày công lao động số tiền 36.000.000đ, tuy nhiên C vẫn chưa khắc phục cho bà L.

Bà Nguyễn Thị Ngọc D yêu cầu bồi thường C phí điều trị thương tích và ngày công lao động số tiền 42.770.000đ.

Tại bản cáo trạng số 02/CT-VKSKL ngày 29/12/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện K truy tố bị cáo Nguyễn Thị Mộng T về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K phân tích tính chất và mức độ của hành vi mà bị cáo gây ra. Căn cứ vào các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ như bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bồi thường Tết hại khắc phục hậu quả nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 134; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Mộng T mức án từ 06 tháng đến 09 tháng cải tạo không giam giữ.

Tại phiên tòa bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận giám định.

- *Về xử lý vật chứng:* Áp dụng điểm a, khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm a, điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị tịch thu, tiêu hủy các vật chứng đã thu giữ nêu trên.

- *Về phần bồi thường dân sự:*

Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận việc bị cáo T tự nguyện bồi thường cho bị hại T số tiền 12.110.000đ.

Đối với yêu cầu bồi thường số tiền 36.000.000đ của bà Châu Thị L do không đủ căn cứ để khởi tố vụ án đối với Nguyễn Thị Mộng C và xét thấy không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên đề nghị áp dụng Điều 30 Bộ luật Tố tụng hình sự tách ra để giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự nếu bà L có yêu cầu.

Đối với yêu cầu bồi thường số tiền 42.770.000đ của bà Nguyễn Thị Ngọc D do bà D không biết ai là người gây thương tích cho mình và quá trình điều tra chưa chứng M được người gây thương tích cho bà D nên chưa có cơ sở xem xét, khi nào có căn cứ sẽ xem xét xử lý sau.

Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai nhận tội của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố và lời khai tại phiên tòa là phù hợp với vật chứng của vụ án, kết luận giám định pháp y về thương tích, cũng như các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở khẳng định: Vào khoảng 16 giờ 30 phút ngày 16/4/2022, Nguyễn Thị Mộng T đã có hành vi dùng cục gạch có dính xi măng (gạch xây tường) đánh vào đầu Trần Kim T gây thương tích, qua giám định có tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại ở vùng đỉnh trái là: 01% (Một phần trăm). Do đó, hành vi dùng hung khí, phương tiện nguy hiểm gây ra thương tích của bị cáo T đủ yếu tố cấu thành tội cố ý gây thương tích quy định điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện K đã truy tố là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của bị cáo: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai nhận và tỏ ra biết ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, khắc phục toàn bộ hậu quả bồi thường Tết hại. Do đó, cần cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự khi lượng hình, giảm nhẹ phần nào hình phạt cho bị cáo, thể hiện tính khoan hồng của pháp luật. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[4] Xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng nên không cần Tắt cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà cho bị cáo được áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ, tạo điều kiện cho bị cáo được cải tạo tại địa phương với sự giám sát của gia đình, chính quyền địa phương giúp bị cáo tiếp tục được lao động kiếm tiền nuôi dạy con ăn học, đảm bảo tính nhân văn của pháp luật hình sự và cũng để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật, cố gắng cải tạo để trở thành người có ích cho xã hội. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị xử phạt bị cáo hình phạt cải tạo không giam giữ là có cơ sở chấp nhận, phù hợp với các tình tiết của vụ án. Vì vậy áp dụng Điều 36 Bộ luật Hình sự cho bị cáo được hưởng hình phạt cải tạo không giam giữ cũng đủ giáo dục, răn đe.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã tự nguyện khắc phục hậu quả cho bị hại tổng số tiền 12.110.000đ (trong đó C phí điều trị và tiền công lao động theo yêu cầu của bị hại là 9.110.000đ, đồng thời tự nguyện bồi thường thêm tiền tổn thất tinh thần là 3.000.000đ), bị hại không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6] Bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, làm nghề tự do thu nhập không ổn định, là mẹ đơn thân đang nuôi con nhỏ ăn học nên miễn khấu trừ thu nhập để sung công quỹ Nhà nước nhưng cần buộc bị cáo phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ theo yêu cầu của Chính quyền địa phương và phải thực hiện nghĩa vụ quy định tại Luật T hành án hình sự.

[7] Đối với thương tích vùng vai phải của bà Trần Kim T làm tổn hại sức khỏe qua giám định là 01% (Một phần trăm), quá trình điều tra chưa chứng M được người gây thương tích trên cho bà T. Đề nghị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện K tiếp tục điều tra làm rõ để xử lý theo quy định của pháp luật.

[8] Đối với thương tích của bà Châu Thị L làm tổn hại sức khỏe qua giám định là 03% (Ba phần trăm) do Nguyễn Thị Mộng C dùng ca nhựa đánh gây thương tích. Do ca nhựa không phải là hung khí nguy hiểm nên hành vi của C không cấu thành tội phạm theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện K không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với C và ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 6.500.000 đồng theo quy định của pháp luật là phù hợp. Đối với yêu cầu bồi thường số tiền 36.000.000đ của bà Châu Thị L như Viện kiểm sát đã đề nghị do không đủ căn cứ để khởi tố vụ án đối với Nguyễn Thị Mộng C và xét thấy không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên áp dụng Điều 30 Bộ luật Tố tụng hình sự tách ra để giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự nếu bà L có yêu cầu.

[9] Đối với thương tích của bà Nguyễn Thị Ngọc D làm tổn hại sức khỏe qua giám định là 12% (Mười hai phần trăm). Bà D có yêu cầu xử lý trách nhiệm hình sự đối với người đã gây thương tích cho bà, đồng thời yêu cầu bồi thường số tiền 42.770.000đ. Tuy nhiên bà D không xác định được người gây thương tích cho mình và quá trình điều tra chưa chứng M được người gây thương tích nên chưa có cơ sở xem xét. Đề nghị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện K tiếp tục điều tra làm rõ để xử lý theo quy định của pháp luật.

[10] Đối với lời khai của Đỗ Viết C trong lúc tham gia đánh nhau C có C cây kiếm gây thương tích cho người thanh niên đi cùng với bị cáo T. Tuy nhiên chưa xác định được nhân thân của người bị thương do đó đề nghị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện K tiếp tục điều tra làm rõ để xử lý theo quy định của pháp luật.

[11] Về vật chứng: Xét thấy các vật chứng trong vụ án đã thu giữ được không còn giá trị sử dụng nên tịch thu, tiêu hủy theo quy định.

[12] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào:

Điểm a khoản 1 Điều 134; b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự.

Điểm a, khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Điều 585; Điều 590 của Bộ luật Dân sự.

Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Mộng T phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”. Xử phạt Nguyễn Thị Mộng T 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định T hành án và bản sao bản án. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

Giao bị cáo Nguyễn Thị Mộng T cho Ủy ban nhân dân xã K, huyện K, tỉnh Kiên Giang giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp bị cáo Nguyễn Thị Mộng T thay đổi nơi cư trú thì việc giám sát bị cáo thực hiện theo quy định tại Luật T hành án hình sự.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị Mộng T phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ theo yêu cầu của chính quyền địa phương và thực hiện nghĩa vụ quy định tại Luật T hành án hình sự.

- Về trách nhiệm dân sự:

Ghi nhận việc bị cáo Nguyễn Thị Mộng T tự nguyện bồi thường, khắc phục cho bị hại Trần Kim T tổng số tiền 12.110.000đ. Số tiền này đang được tạm nộp tại C cục T hành án dân sự huyện K theo biên lai thu tiền số 0000195 ngày 19/12/2022. Sau khi án có hiệu lực pháp luật bà Trần Kim T liên hệ đến C cục T hành án dân sự huyện K để nhận.

- Về xử lý vật chứng.

Tịch thu, tiêu hủy: 01 (một) cây kiếm dài 53cm, lưỡi kiếm bằng kim loại màu trắng, đầu kiếm nhọn, cán tay C của kiếm có gắn kim loại màu đen hình tròn, bao kiếm hình tròn màu đen, có đóng lá cờ mỹ bên trong lá cờ có chữ USA SABER. 01 (một) xô nhựa màu trắng xanh, có vai C, đường kính 17,5cm, Cều cao 24cm. 01 (một) nắp ca nhựa màu trắng xanh, đường kính 10,5cm, Cều cao 2,7cm. 01 (một) cái áo thun màu trắng cổ tròn, phía trước có in hình, có chữ LOUIS VUITTON PARIS, đã bị rách.

Các vật chứng nêu trên đang lưu giữ tại C cục T hành án dân sự huyện K, tỉnh Kiên Giang theo biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 29/12/2022.

- Về án phí sơ thẩm: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự là 200.000 đồng.

- Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được T hành theo quy định tại Điều 2 Luật T hành án dân sự thì người được T hành án dân sự, người phải T hành án dân sự có quyền thỏa thuận T hành án, quyền yêu cầu T hành án, tự nguyện T hành án hoặc bị cưỡng chế T hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật T hành án dân sự; Thời hiệu T hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật T hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện K;
- Công an huyện K;
- C cục THADS huyện K;
- Những người TGTT;
- Lưu: HSPA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Pho